|  |  |
| --- | --- |
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** - **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO** - **BỘ CÔNG AN** - **BỘ QUỐC PHÒNG**Số: 01/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BCA-BQP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021* |

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**

**Quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự,**

**thủ tục hoãn, miễn chấp hành án phạt tù**

*Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng liên tịch quy định quan hệ phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục hoãn, miễn chấp hành án phạt tù.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

#  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

 Thông tư liên tịch này quy định quan hệ phối hợp trong thực hiện một số quy định của Luật Thi hành án hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, đề nghị, quyết định và thi hành quyết định hoãn, miễn chấp hành án phạt tù cho người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, người bị kết án phạt tù chưa chấp hành án phạt tù, đang tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù (sau đây gọi chung là người bị kết án phạt tù).

#  **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

 Thông tư liên tịch này áp dụng đối với Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, người bị kết án phạt tù và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện hoãn, miễn chấp hành án phạt tù.

**Điều 3. Nguyên tắc phối hợp trong việc thực hiện hoãn, miễn chấp hành án phạt tù**

 1. Tuân thủ quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự.

 2. Bảo đảm nhân đạo xã hội chủ nghĩa.

 3. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng.

 4. Tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kết án phạt tù.

# **Điều 4. Mẫu các văn bản ban hành kèm theo Thông tư liên tịch**

1. Đơn xin hoãn, miễn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 01).

2. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 02).

3. Quyết định hủy Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 03).

4. Quyết định hủy Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (Mẫu số 04).

5. Quyết định mở phiên họp xem xét miễn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 05).

6. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù (Mẫu số 06).

**Chương II**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, ĐỀ NGHỊ, QUYẾT ĐỊNH**

**VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH HOÃN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

# **Điều 5. Thủ tục đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù**

1. Cá nhân, cơ quan sau đây có quyền làm đơn, văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù:

a) Người bị kết án phạt tù. Trường hợp người bị kết án phạt tù không thể tự mình làm đơn đề nghị thì người thân thích của người bị kết án có thể đề nghị thay;

b) Viện kiểm sát cùng cấp;

c) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án phạt tù cư trú;

d) Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người chấp hành án phạt tù làm việc hoặc cư trú.

2. Đơn, văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù phải được gửi cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, trừ trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và có các nội dung sau:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn, văn bản;

b) Tên Tòa án nhận đơn, văn bản;

c) Họ tên, năm sinh, nơi cư trú, làm việc của người chấp hành án phạt tù tại ngoại;

d) Số, ngày, tháng, năm của bản án, tội danh, quyết định hình phạt trong bản án có hiệu lực pháp luật; số, quyết định thi hành án phạt tù;

đ) Lý do đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù;

e) Danh mục tài liệu kèm theo đơn, văn bản đề nghị;

g) Trường hợp người bị kết án phạt tù hoặc người thân thích của họ làm đơn yêu cầu thì cuối đơn phải ký tên hoặc điểm chỉ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án cư trú; trường hợp cơ quan đề nghị thì cuối văn bản phải do người đại diện hợp pháp của cơ quan ký tên và đóng dấu của cơ quan đó.

3. Đơn, văn bản đề nghị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Tòa án đã ra quyết định thi hành án phạt tù bằng các phương thức sau đây:

a) Nộp trực tiếp tại Tòa án;

b) Gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính;

c) Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

4. Ngày nhận được đơn hoặc văn bản đề nghị là ngày cơ quan, cá nhân nộp tại Tòa án hoặc ngày Tòa án nhận được do tổ chức dịch vụ bưu chính chuyển đến. Trường hợp cơ quan, cá nhân gửi đơn hoặc văn bản đề nghị qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án thì ngày nhận được đơn hoặc văn bản là ngày Cổng thông tin điện tử của Tòa án xác nhận đã nhận được đơn, văn bản do cơ quan, cá nhân gửi đến.

# **Điều 6. Hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù**

1. Hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù hoặc văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù;

b) Bản sao bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc bản sao trích lục bản án;

c) Bản sao quyết định thi hành án phạt tù;

d) Đối với người bị kết án phạt tù bị bệnh nặng tới mức không thể chấp hành án phạt tù và nếu phải chấp hành án phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng của họ phải có kết luận của Hội đồng giám định y khoa hoặc bản sao bệnh án, kết luận của bệnh viện cấp tỉnh hoặc cấp quân khu trở lên hoặc có kết luận của tổ chức pháp y công lập về tình trạng bệnh tật của người bị kết án phạt tù. Người bị bệnh nặng là người mắc một trong các bệnh hiểm nghèo như: Ung thư giai đoạn cuối, lao nặng kháng thuốc, xơ gan cổ chướng, suy tim độ III trở lên, suy thận độ IV trở lên hoặc mắc bệnh khác dẫn đến không có khả năng tự phục vụ bản thân, tiên lượng xấu, nguy cơ tử vong cao;

đ) Đối với người bị kết án phạt tù bị nhiễm HIV đã chuyển giai đoạn lâm sàng IV thì phải có kết quả xét nghiệm bị nhiễm HIV theo quy định của Bộ Y tế và bản sao bệnh án hoặc kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền khẳng định đã chuyển giai đoạn lâm sàng IV, đang có nhiễm trùng cơ hội và tiên lượng xấu, nguy cơ tử vong cao;

e) Đối với người bị kết án phạt tù là phụ nữ có thai phải có kết luận của bệnh viện cấp huyện hoặc tương đương trở lên về việc người bị kết án có thai;

g) Đối với người bị kết án phạt tù là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi phải có bản sao giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh của con dưới 36 tháng tuổi và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị kết án phạt tù đang cư trú về việc họ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;

h) Đối với người bị kết án phạt tù được đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù vì lý do là lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành án phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt thì phải có bản tường trình ghi rõ hoàn cảnh khó khăn, công việc, mức thu nhập, nơi làm việc và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú;

i) Đối với người bị kết án phạt tù được đề nghị hoãn chấp hành án do nhu cầu công vụ thì phải có văn bản hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc trưng dụng người bị kết án phạt tù cần phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ cụ thể;

k) Bản sao Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, hộ chiếu;

l) Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù phải được đánh số bút lục và lưu giữ trong Hồ sơ thi hành án của người được hoãn chấp hành án phạt tù do Tòa án quản lý.

3. Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoãn chấp hành án phạt tù để thực hiện chức năng kiểm sát thì Tòa án sao gửi theo yêu cầu của Viện kiểm sát, trừ trường hợp hoãn chấp hành án phạt tù theo đề nghị của Viện kiểm sát.

# **Điều 7. Thủ tục xem xét hoãn chấp hành án phạt tù**

1. Ngay sau khi nhận được đơn, văn bản, tài liệu, hồ sơ đề nghị xem xét hoãn chấp hành án phạt tù thì Tòa án thông báo bằng văn bản về việc đang xem xét quyết định hoãn chấp hành án phạt tù cho Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện chức năng kiểm sát (nếu Viện kiểm sát không có văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù); cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để ngừng việc làm thủ tục đưa người chấp hành án phạt tù đi chấp hành án và không thực hiện áp giải thi hành án.

2. Chánh án Tòa án tổ chức xem xét, thẩm tra đơn, văn bản đề nghị, tài liệu kèm theo và giải quyết như sau:

a) Trường hợp đơn, văn bản đề nghị và tài liệu kèm theo đã đầy đủ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch này thì xem xét hoãn chấp hành án phạt tù;

b) Trường hợp đơn, văn bản đề nghị và tài liệu chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư liên tịch này thì thông báo bổ sung đơn, văn bản đề nghị và các tài liệu kèm theo. Trường hợp này, thời hạn Chánh án phải xem xét quyết định hoãn chấp hành án phạt tù quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự được tính kể từ ngày nhận được bổ sung đơn, văn bản, tài liệu kèm theo;

c) Trường hợp hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù đã đầy đủ nhưng nếu thấy còn nội dung vướng mắc, chưa rõ thì Chánh án Tòa án phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp để trao đổi, thống nhất trước khi ban hành quyết định.

3. Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp không đủ căn cứ hoãn chấp hành án phạt tù thì không ra quyết định hoãn và có văn bản trả lời trong đó nêu rõ lý do. Văn bản này có thể bị khiếu nại hoặc kiến nghị theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và phải được gửi theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự;

b) Trường hợp có đủ căn cứ hoãn chấp hành án phạt tù thì ra Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

4. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù có các nội dung sau:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tòa án ra quyết định;

c) Ghi rõ họ tên, chức vụ người ra quyết định;

d) Số, ngày, tháng, năm của Bản án, quyết định được thi hành;

đ) Số, ngày, tháng, năm của quyết định thi hành án phạt tù;

e) Họ tên, năm sinh, nơi cư trú của người được hoãn chấp hành phạt tù;

g) Lý do được hoãn chấp hành án phạt tù;

h) Tên cơ quan thi hành án hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù;

i) Thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù và hiệu lực thi hành.

Trường hợp hoãn chấp hành án phạt tù theo quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 67 của Bộ luật Hình sự thì cuối quyết định ghi *“Hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù thì Quyết định thi hành án số … của Tòa án ... được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự”.*

Trường hợp hoãn chấp hành án phạt tù theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 67 của Bộ luật Hình sự thì cuối quyết định ghi *“Quyết định thi hành án số … của Tòa án … được thi hành kể từ ngày hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù hoặc ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nhận được văn bản của bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp quân khu trở lên hoặc kết luận của tổ chức pháp y công lập hoặc kết luận của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên về tình trạng sức khỏe của người được hoãn chấp hành án phạt tù phục hồi”.*

5. Thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày ban hành quyết định.

6. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù được thi hành kể từ ngày ban hành và có thể bị kháng nghị. Trình tự, thủ tục giải quyết kháng nghị thực hiện theo quy định tại các chương XXII, XXV và XXVI của Bộ luật Tố tụng hình sự.

7. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù phải được gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật Thi hành án hình sự.

# **Điều 8. Hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù**

1. Tòa án xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong các trường hợp sau:

a) Người được hoãn chấp hành án phạt tù không cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật hoặc thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Người được hoãn chấp hành án phạt tù có kết quả giám định xác định họ mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi;

c) Người được hoãn chấp hành án phạt tù có kết quả giám định xác định họ đã hồi phục sức khỏe và đã bị đưa đến nơi chấp hành án phạt tù;

d) Người được hoãn chấp hành án phạt tù có đơn tự nguyện xin chấp hành án phạt tù.

2. Thủ tục xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản và thông báo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc người được hoãn chấp hành án phạt tù không cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

b) Ngay sau khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù về việc người được hoãn chấp hành án phạt tù thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đơn tự nguyện xin chấp hành án phạt tù của người được hoãn chấp hành án phạt tù thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo hoặc đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu về việc đã đưa người được hoãn chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án do người được hoãn chấp hành án phạt tù đã hồi phục sức khỏe hoặc người được hoãn chấp hành án phạt tù mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù.

d) Thủ tục xem xét hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 6 Điều 7 của Thông tư liên tịch này.

đ) Quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù có các nội dung sau: Ngày, tháng, năm ra quyết định; Tòa án ra quyết định; ghi rõ họ tên, chức vụ người ra quyết định; số, ngày, tháng, năm của quyết định hoãn chấp hành án phạt tù; họ tên, năm sinh, nơi cư trú của người được hoãn chấp hành án phạt tù; lý do hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu được chỉ định; ghi rõ số, ngày, tháng, năm quyết định thi hành án đã ban hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù có thể bị kháng nghị theo quy định tại khoản 5 Điều 167 của Luật Thi hành án hình sự và được giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 169 của Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù theo quy định điểm b khoản 1 Điều này thì ngoài nội dung hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù còn phải có nội dung về áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

# **Điều 9. Thi hành quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù**

Khi nhận được quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tổ chức việc thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 23 của Luật Thi hành án hình sự.

**Chương III**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT, QUYẾT ĐỊNH VÀ THI HÀNH**

**QUYẾT ĐỊNH MIỄN CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ**

# **Điều 10. Nhận và xử lý hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành án phạt tù**

1. Ngay sau khi nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải ghi vào sổ nhận hồ sơ.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào sổ nhận hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án có thẩm quyền thành lập Hội đồng gồm 03 Thẩm phán xét, quyết định miễn chấp hành án phạt tù và phân công 01 Thẩm phán chủ trì phiên họp.

3. Sau khi được phân công chủ trì phiên họp, Thẩm phán xem xét, giải quyết như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù đã đầy đủ thì quyết định mở phiên họp xét miễn chấp hành án phạt tù và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát đã đề nghị miễn chấp hành án phạt tù cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp;

b) Trường hợp hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù chưa rõ ràng, đầy đủ thì đề nghị Viện kiểm sát đã đề nghị miễn chấp hành án phạt tù bổ sung tài liệu.

4. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung như sau: ngày, tháng, năm ra quyết định; tên Tòa án ra quyết định; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù; quyết định thi hành án phạt tù; họ tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp và họ tên Kiểm sát viên.

Quyết định này phải gửi cho Viện kiểm sát đã đề nghị miễn chấp hành án phạt tù chậm nhất là 05 ngày trước khi mở phiên họp.

# **Điều 11. Những người tham gia phiên họp xét miễn chấp hành án phạt tù**

1. Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia phiên họp; trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt thì Tòa án hoãn phiên họp.

2. Trường hợp cần thiết, Tòa án có thể triệu tập người chấp hành án phạt tù hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người giám định, người phiên dịch, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia phiên họp; nếu có người vắng mặt thì Tòa án quyết định hoãn phiên họp hoặc vẫn tiến hành phiên họp.

Thời hạn hoãn phiên họp không quá 07 ngày, kể từ ngày hoãn.

# **Điều 12. Thủ tục tiến hành phiên họp xét miễn chấp hành án phạt tù**

1. Thư ký phiên họp báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người được Tòa án triệu tập và lý do vắng mặt.

2. Chủ tọa khai mạc phiên họp, giới thiệu thành phần Hội đồng, Kiểm sát viên tham gia phiên họp, Thư ký phiên họp.

3. Đại diện Viện kiểm sát trình bày hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành án phạt tù. Các thành viên của Hội đồng hỏi thêm đại diện Viện kiểm sát về những điểm chưa rõ.

Trường hợp phiên họp có người chấp hành án phạt tù hoặc người đại diện hợp pháp, người giám định, người phiên dịch, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia phiên họp thì Chủ tọa phiên họp điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.

4. Chủ tọa phiên họp điều hành thảo luận.

5. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, ý kiến của Viện kiểm sát; người tham gia phiên họp (nếu có), Hội đồng xét miễn chấp hành án phạt tù xem xét, quyết định như sau:

a) Không chấp nhận đề nghị miễn chấp hành án phạt tù;

b) Chấp nhận đề nghị miễn chấp hành án phạt tù.

6. Mọi diễn biến tại phiên họp được ghi vào biên bản và lưu hồ sơ xem xét đề nghị. Biên bản phiên họp phải có chữ ký của chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp.

# **Điều 13. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù**

1. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Họ tên của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Thư ký phiên họp;

d) Họ tên, năm sinh, nơi cư trú của người chấp hành án phạt tù; Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; Bản án, quyết định khác (nếu có); số, ngày, tháng, năm của quyết định thi hành án phạt tù;

đ) Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết;

e) Nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị;

g) Căn cứ pháp luật để giải quyết đề nghị;

h) Quyết định của Tòa án;

i) Hiệu lực thi hành.

2. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù phải được gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Quyết định về việc xét miễn chấp hành án phạt tù có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và có thể bị kháng nghị. Trình tự, thủ tục giải quyết kháng nghị thực hiện theo quy định tại các chương XXII, XXV và XXVI của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

# **Điều 14. Hiệu lực thi hành**

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng để có hướng dẫn kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| **KT. CHÁNH ÁNTÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAOPHÓ CHÁNH ÁN****Nguyễn Trí Tuệ** | **KT. VIỆN TRƯỞNGVIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAOPHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC****Nguyễn Huy Tiến** |
| **KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG ANTHỨ TRƯỞNG****Thiếu tướng Lê Quốc Hùng** | **KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG****THỨ TRƯỞNG****Thượng tướng Võ Minh Lương** |

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;

- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;

- Ban Chỉ đạo CCTPTƯ;

- Ban Nội chính Trung ương;

- Văn phòng Chủ tịch nước;

- Văn phòng Chính phủ (02 bản);

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Bộ Tư pháp;

- Bộ Công an;

- Bộ Quốc phòng;

- Các TAND và TAQS;

- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC;

- Cổng thông tin điện tử của các Bộ, ngành: TANDTC, VKSNDTC, BCA, BQP;

- Lưu: VT (TANDTC, VKSNDTC, BCA, BQP).